

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2019/QĐST-HNGĐ

Ngày 16-10-2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi N Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp số 142/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị G; cư trú tại: Xóm 4, Q,xã G, huyện G, tỉnh N;

- Anh Nguyễn Văn M; ĐKKHKT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4, Q,xã G, huyện G, tỉnh N; hiện cư trú tại: Hàn Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn M về phần con chung: Ông Nguyễn Doãn H (Là bố đẻ anh M); cư trú tại: Xóm 4, Q,xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên họp: Có mặt chị G, vắng mặt anh M và ông H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn M đều trình bày: Anh chị kết hôn do tự nguyện, có đăng ký vào ngày 06/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã G, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 anh M đi Hàn Q đến nay. Nay, anh chị

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên cùng thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N; sinh ngày 17/10/2003 và cháu Nguyễn Phạm Việt Q; sinh ngày 12/6/2006, ly hôn anh chị thoả thuận giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/01con/01tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thoả thuận giải quyết.

Tại phiên họp: Chị G giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn M có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận.

Về nội dung: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh M và chị G là tự nguyện, nên đề nghị Toà án chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Anh M, chị G đã thoả thuận được, thoả thuận của anh chị là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo được quyền lợi cho con chung nên đề nghị Toà án chấp nhận.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị G tự nguyện nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh M và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi đã có đầy đủ lời khai, nên Toà án tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh M và ông H theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký vào ngày 06/12/2001, nên là hôn nhân hợp pháp. Anh chị thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ khi anh M đi Hàn Quốc (năm 2006) đến nay. Nay, anh chị xác định cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh M và chị G là tự nguyện, nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh M, chị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N và cháu Nguyễn Phạm Việt Q, ly hôn anh chị thoả thuận giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/01con/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thoả thuận của anh

chị là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo được quyền lợi cho con chung nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Anh M, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị G tự nguyện nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, các Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G với anh Nguyễn Văn M;

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N; sinh ngày 17/10/2003 và cháu Nguyễn Phạm Việt Q; sinh ngày 12/6/2006, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/01con/tháng. Chị G có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này. Nhưng chị G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con;

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Doãn H về việc tạm giao cho ông Nguyễn Doãn H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích N và cháu Nguyễn Phạm Việt Q trong thời gian anh M chưa về nước;

4. Về tài sản: Không giải quyết;

5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001713 ngày 17/9/2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định (Chị G đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16/10/2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND tỉnh Nam Định (01 bản);
- Cục THA DS tỉnh Nam Định (01 bản);
- UBND xã G, huyện G;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP
Nguyễn Thị Bạch Tuyết
(Đã ký)